



MARKET LENS

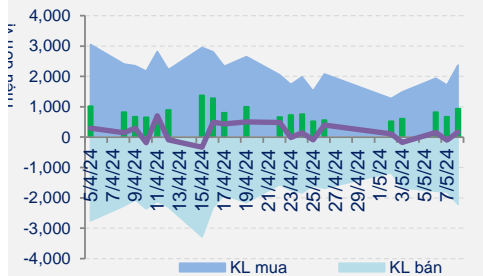
Phiên giao dịch ngày: 8/5/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

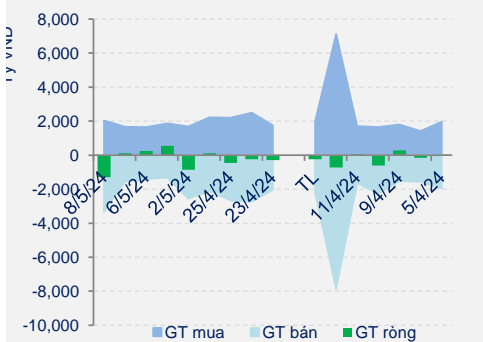
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,250.46	234.52
% Thay đổi	↑ 0.15%	↑ 0.67%
KLGD (CP)	933,036,681	108,577,542
GTGD (tỷ đồng)	23,270.23	2,522.74
Tổng cung (CP)	2,206,683,113	152,922,300
Tổng cầu (CP)	2,366,131,538	150,804,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	107,608,339	2,103,128
KL mua (CP)	71,335,836	2,889,707
GT mua (tỷ đồng)	2,044.61	123.16
GT bán (tỷ đồng)	3,336.71	53.14
GT ròng (tỷ đồng)	(1,292.10)	70.02

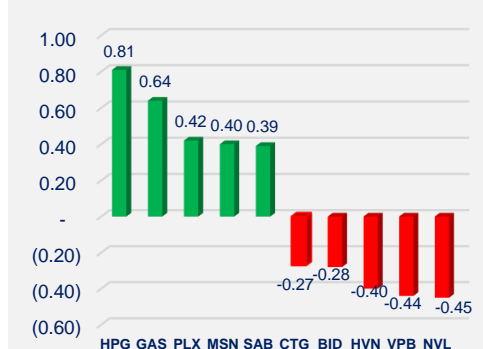
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 05 phiên liên tiếp tăng điểm và khi VN30 đang gặp vùng giá cao nhất ngày 15/05/2024, thị trường đã bất ngờ giảm khá mạnh vào đầu phiên. VN-INDEX đầu phiên chịu áp lực rung lắc khá mạnh về vùng giá quanh 1.235 điểm, nhưng dần phục hồi tốt trở lại dưới ảnh hưởng tích cực của một số nhóm mã như dầu khí. VN-INDEX sau đó phục hồi tốt trở lại và kết phiên duy trì tăng 1,83 điểm (+0,15%) lên mức 1.250,46 điểm, tiệm cận vùng giá cao nhất năm 2023 và kháng cự kỹ thuật mạnh khi nổi đường xu hướng giảm giá ngắn hạn các đỉnh giá cao nhất các ngày 29/03/2024 và 15/04/2024. HNX-INDEX tăng tốt hơn 1,56 điểm (0,67%) lên mức 234,52 điểm. Độ rộng thị trường trên 02 sàn giao dịch khá cân bằng, mức độ phân hóa mạnh với 314 mã tăng (22 mã tăng trần), 311 mã giảm giá (07 mã giảm sàn) và 125 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 25.783 tỷ đồng được giao dịch, tăng mạnh 30,89% so với phiên trước, quay trở lại mức trung bình. Dòng tiền ngắn hạn đang cải thiện tốt, có xu hướng gia tăng trở lại mức trung bình khi nhiều mã vẫn luân phiên phục hồi và nhiều mã tiếp tục vượt vùng giá đỉnh cũ khá tích cực. Khối ngoại sau 03 phiên mua ròng, đã bán ròng mạnh trở lại trên HOSE với giá trị 1.285,78 tỷ đồng, chủ yếu do giao dịch bán thỏa thuận đột biến ở VHM; duy trì mua ròng trên HNX với giá trị 70,02 tỷ đồng.

Báo cáo của S&P Global cho thấy Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) toàn phần ngành sản xuất ASEAN tháng 4/2024 tiếp tục cao trên ngưỡng trung bình 50 điểm tháng thứ 4 liên tiếp. Với kết quả 51,5 điểm trong tháng 4 so với mức 51,1 điểm trong tháng 3, chỉ số này cho thấy ngành sản xuất ASEAN có sự cải thiện nhẹ. Theo báo cáo, số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ 2 liên tiếp trong tháng 4 và có tốc độ tăng mạnh nhất kể từ giữa năm 2023. Tuy nhiên, dữ liệu cho thấy mức tăng lần này chủ yếu là nhờ vào nhu cầu trong nước, trong bối cảnh thời kỳ suy giảm xuất khẩu đã kéo dài thành 23 tháng liên tiếp.

Nhóm cổ phiếu dầu khí với thông tin Petrovietnam vừa có 2 phát hiện quan trọng tại giếng R79, mỏ Rồng thuộc Lô 09-1 và giếng BA-1X, mỏ Bunga Aster, Lô PM3 CAA tiếp tục có diễn biến nổi bật nhất thị trường trong phiên giao dịch hôm nay khi nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến như PVB (+9,80%), POS (+7,78%), PVT (+6,84%), PVS (+5,39%)... ngoài PVP (-0,60%) chịu áp lực bán sau giai đoạn tăng giá mạnh. Các cổ phiếu phân bón, hóa chất tiếp tục có diễn biến tích cực, thanh khoản cải thiện mạnh vượt mức trung bình, nhiều mã vượt đỉnh cũ và kỳ vọng vượt đỉnh như BFC (+5,96%), LAS (+3,90%), DCM (+2,25%)... CSV (+4,14%), DGC (+0,82%)...

Nhóm cổ dệt may tiếp tục có diễn biến nổi bật, thanh khoản gia tăng mạnh ở hầu hết các mã như VGT (+12,03%), STK (+6,97%), MSH (+6,96%), TNG (+3,21%)... Các cổ phiếu thép duy trì diễn biến tích cực nổi bật trong phiên chiều, thanh khoản gia tăng tốt, trên mức trung bình, đột biến với VGS (+6,07%), HPG (+1,82%), NKG (+0,85%)... ngoài SMC (-0,41%) chịu áp lực giảm điểm.

Các mã trong nhóm VN30 phân hóa mạnh khi gặp vùng đỉnh quanh 1.288 điểm của phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024, các mã ngân hàng hầu hết chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình như VPB (-1,33%), STB (-1,24%), NVB (-1,09%), MBB (-0,88%)... ngoài các mã khá tích cực như BVV (+5,45%), SHB (+2,15%)... Các nhóm ngành khác đa số có diễn biến phân hóa mạnh khi VN-INDEX đang gặp vùng kháng cự mạnh quan trọng vùng 1.250 điểm.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2405 tăng 3 điểm (0,24%), chênh lệch âm thu hẹp -5,85 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh 27,67% so với phiên trước, cho thấy các vị thế phòng ngừa rủi ro và đầu cơ gia tăng mạnh, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2405 đang phục hồi với hỗ trợ gần nhất quanh 1.262 điểm, giá cao nhất năm 2023. Kháng cự mạnh quanh 1.280 điểm - 1.287 điểm, tương ứng giá cao nhất phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024. Các kỳ hạn VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch âm từ -7,85 điểm đến -5,05 điểm so với VN30, Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch âm cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh ngắn hạn, vẫn đang ưu tiên các vị thế các vị thế phòng ngừa rủi ro cho thị trường cơ sở, khi VN30 đang gặp vùng giá trước phiên giảm mạnh ngày 15/04/2024.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Đúng như đã nhận định, áp lực bán gia tăng khi VN-Index tiến gần vùng kháng cự mạnh khiến thị trường tiếp tục diễn biến giằng co và Vn-Index kết phiên tăng 1,83 điểm (+0,15%), đóng cửa tại 1.250,46 điểm chủ yếu nhờ một số cổ phiếu vốn hóa lớn quay đầu tăng điểm trong phiên giao dịch ATC.

Thị trường vẫn đang trong nhịp hồi phục ngắn hạn sau khi giảm mạnh đánh mất ngưỡng hỗ trợ trung hạn, tuy nhiên đà tăng của VN-Index đã chậm lại trong những phiên gần đây khi tiến sát tới ngưỡng cản trung hạn quanh vùng 1.250 điểm và những rung lắc, giằng co dự báo sẽ tiếp tục diễn ra trong các phiên tới. Diễn biến thị trường quanh vùng kháng cự hiện tại sẽ quyết định xu hướng tiếp theo.

Về góc nhìn trung hạn, Vn-Index đã quay trở lại vùng tích lũy trong kênh 1.150 điểm - 1.250 điểm sau nhịp giảm điểm mạnh vừa qua và diễn biến swing trong khu vực nói trên dự báo sẽ có thể kéo dài. Hiện Vn-Index đã tiệm cận với cản trên của kênh tích lũy nên cơ hội giải ngân trung hạn là không rõ ràng.

Thị trường đang gặp khó khăn khi Vn-Index đã ở trong khu vực kháng cự mạnh quanh vùng 1.250 điểm, nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi giá ở vùng giá hiện tại và kiên nhẫn chờ đợi do Vn-Index rất có thể sẽ có các nhịp rung lắc điều chỉnh. Nhà đầu tư trung - dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và nên chờ nhịp điều chỉnh nếu muốn giải ngân thêm do mặt bằng giá hiện tại không còn quá hấp dẫn khi Vn-Index đang vận động ở nửa trên của kênh tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

8/5/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	61.50	47-51	66-68	52	10.5	115.2%	370.4%	Theo dõi giải ngân
DPR	39.7	34.5-36.5	43-44	35	16.9	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân
CTD	68.4	59-62	78-80	57	35.9	-9.2%	265.9%	Theo dõi giải ngân
FPT	131	110-114	134-136	100	24.5	20.6%	20.4%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
27/12/2023	TNH	20.20	18.09	23-24	21	11.7%	Nắm giữ
16/4/2024	LHG	33.95	32	38-39	33	6.1%	Nắm giữ
16/4/2024	DPM	34.10	32.2	37-38	32	5.9%	Nắm giữ
16/4/2024	PVP	16.70	14.2	18-18.5	15.5	17.6%	Nắm giữ
16/4/2024	DPR	39.70	36.8	43-44	38	7.9%	Nắm giữ
24/4/2024	KBC	30.05	28.75	32-33	29	4.5%	Nắm giữ
24/4/2024	FPT	131.00	114.2	134-136	124	14.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Mỹ cân nhắc công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam

Mỹ đang xem xét nâng cấp Việt Nam lên quy chế "nền kinh tế thị trường" để củng cố mối quan hệ bền chặt giữa hai bên. Hội đồng Kinh doanh Mỹ - ASEAN ủng hộ quyết định nâng hạng Việt Nam và sẽ tổ chức một cuộc điều trần trực tuyến vào chiều ngày 08/ 05 để lắng nghe các quan điểm về việc gắn nhãn "nền kinh tế thị trường" cho Việt Nam. Việt Nam muốn gỡ bỏ mác "nền kinh tế phi thị trường" sau khi đã thực hiện các cuộc cải cách kinh tế trong thời gian gần đây. Để được gắn nhãn "nền kinh tế thị trường", đất nước đó phải đáp ứng một số tiêu chí, bao gồm mức độ chuyển đổi tiền tệ, tiền lương là kết quả thương lượng tự do giữa người lao động và ban quản lý, và việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài thành lập liên doanh hoặc thực hiện các khoản đầu tư khác.

Giá vàng SJC lại tạo đỉnh sau phiên đấu thầu thứ 5, doanh nghiệp tiếp tục trúng thầu 3.400 lượng

Phiên đấu thầu vàng miếng lần thứ 5 đã có kết quả với 3 đơn vị tham gia và trúng thầu tổng cộng 3.400 lượng vàng miếng. Giá trúng thầu là 86,05 triệu đồng/ lượng, cao hơn so với giá mua vào của các công ty vàng. Sau 5 phiên đấu thầu, chỉ có 2 phiên tổ chức thành công với tổng lượng vàng bán qua kênh đấu thầu là 6.800 lượng. Giá vàng miếng SJC được Công ty SJC niêm yết mua vào 85,2 triệu đồng/lượng, bán ra 87,5 triệu đồng/lượng, tăng 200.000 đồng so với buổi sáng. Giá vàng trong nước liên tục biến động mạnh do ảnh hưởng từ giá vàng thế giới và tâm lý thị trường kỳ vọng giá vàng còn tăng tiếp trong dài hạn.

Tỷ giá ngoại tệ tại các ngân hàng giảm trong ngày 8/5

Tỷ giá yen Nhật (JPY) giảm tại các ngân hàng, ghi nhận phiên giảm thứ ba liên tiếp trong tuần. Sacombank đang mua yen Nhật với giá cao nhất là 161,99 VND/AUD, còn Eximbank bán ra với mức thấp nhất là 166,39 VND/AUD. Tỷ giá đô la Úc (AUD) giảm trở lại trong khoảng 100 - 173 đồng ở cả hai chiều mua vào - bán ra. Tỷ giá won Hàn Quốc (KRW) giảm ở cả hai chiều mua vào - bán ra tại hầu hết các ngân hàng được khảo sát. Tỷ giá nhân dân tệ (CNY) điều chỉnh giảm tại 2 ngân hàng, tăng tại 1 ngân hàng và ổn định tại 1 ngân hàng ở chiều bán ra. Theo ghi nhận, BIDV vẫn là ngân hàng niêm yết tỷ giá bán ra thấp nhất ở 3.560 VND/CNY.

Chủ tịch FED Minneapolis: Lãi suất có thể chưa đủ cao để kiềm chế lạm phát

Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Minneapolis, Neel Kashkari, cho biết rằng FED có thể chưa thắt chặt chính sách đủ chặt để hạ nhiệt giá cả, nhưng thị trường nhà ở có khả năng phục hồi đáng kinh ngạc trước chính sách tiền tệ thắt chặt hơn. Tuy nhiên, ông cũng lo ngại về việc các nhà hoạch định chính sách có đang đánh giá sai mức lãi suất trung lập trong thời gian tới hay không. Ông Kashkari cũng cho biết rằng kịch bản có thể xảy ra nhất đối với nền kinh tế Mỹ là lãi suất duy trì ở mức cao trong một thời gian dài và cắt giảm lãi suất là cần thiết nếu lạm phát giảm hoặc thị trường lao động suy yếu mạnh.

TIN DOANH NGHIỆP

SCIC báo lợi nhuận năm 2023 tăng 100% so với cùng kỳ, tiếp tục tăng lượng tiền gửi ngân hàng

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) vừa công bố BCTC kiểm toán năm 2023 với doanh thu 7.143 tỷ đồng, giảm 30,1% so với năm 2022. Tuy nhiên, doanh thu từ lãi tiền gửi và đầu tư trái phiếu lại tăng 42,6% lên mức 1.633 tỷ đồng. Nhờ được hoàn nhập 489,2 tỷ đồng chi phí đầu tư và kinh doanh vốn, SCIC lãi gộp hơn 7.622 tỷ đồng, tăng gần 20%. Tổng tài sản của SCIC đạt 52.750 tỷ đồng, tăng 6% so với hồi đầu năm 2022. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm 33.343 tỷ đồng, 10,4%. Một trong những công ty liên kết của SCIC - Vietnam Airlines đã báo lỗ hơn hơn 5.900 tỷ đồng trong năm 2023, giảm một nửa so với khoản lỗ của năm 2022.

HUT: báo lãi quý I đột biến, tăng hơn 35 lần

Công ty Cổ phần Tasco (HUT) thông báo doanh thu và lợi nhuận tăng mạnh, đặc biệt là từ mảng kinh doanh xe ô tô sau khi hoàn thành hợp nhất Tasco Auto trở thành công ty con từ tháng 9/ 2023. Trong quý I/2024, Tasco ghi nhận doanh thu thuần tăng mạnh từ 294 tỷ lên hơn 5.183 tỷ đồng, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 35,1 tỷ và 32,1 tỷ đồng; tăng 875% và 3.467% so với cùng kỳ năm trước. Xét về cơ cấu doanh thu, doanh thu bán hàng đạt hơn 4.811 tỷ đồng trong khi quý I/2023 không ghi nhận có khoản mục này. Tổng tài sản của Tasco giảm 0,9% so với đầu năm, đạt 26.404 tỷ đồng. Giá cổ phiếu HUT giảm 0,58% so với phiên giao dịch liền kề, hiện đang ở mức 17.000 đồng/ cổ phiếu.

Các cụm dự án của Novaland đều đang được triển khai thi công trở lại

Liên quan đến thông tin Công an TPHCM yêu cầu cung cấp hồ sơ Khu đô thị Aqua City, tỉnh Đồng Nai, Tập đoàn Novaland vừa có thông tin phản hồi chính thức. Theo Tập đoàn Novaland, trong bối cảnh khó khăn của thị trường 2 năm vừa qua, với sự chia sẻ, cảm thông của hầu hết khách hàng, cộng đồng, đối tác... và trên hết là định hướng của Đảng cùng với chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Tổ Công tác của Chính phủ, những khó khăn của các doanh nghiệp bất động sản nói chung và Tập đoàn Novaland nói riêng đã từng bước được tháo gỡ. Hiện các cụm dự án do Novaland là đơn vị phát triển như dự án Aqua City tại tỉnh Đồng Nai, dự án NovaWorld Phan Thiet tại tỉnh Bình Thuận, dự án NovaWorld Ho Tram tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hay các dự án trên địa bàn TPHCM đều đang được triển khai thi công xây dựng trở lại. "Đồng thời, những dự án này cũng nằm trong danh sách ưu tiên tháo gỡ pháp lý của các bộ, ngành và chính quyền địa phương nơi có dự án", Tập đoàn Novaland thông tin.

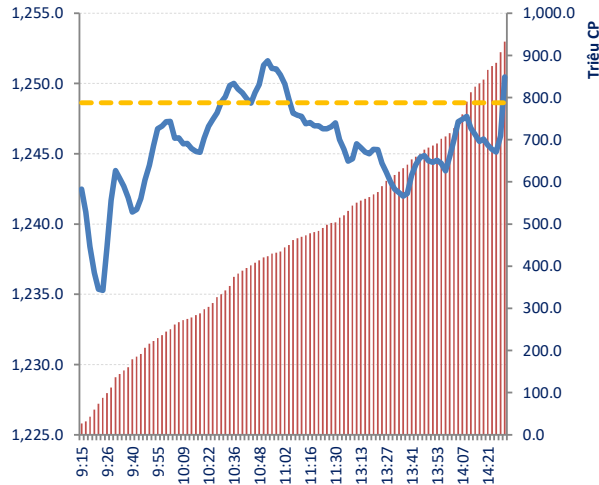
PLX: Tồn thêm khoảng 900 tỷ đồng/năm nếu dự trữ lưu thông xăng dầu tăng 10 ngày

Dự thảo Nghị định xăng dầu nâng số ngày dự trữ lưu thông của thương nhân đầu mối ở mức tối thiểu từ 20 ngày lên 30 ngày, gây bất cập cho nhiều thương nhân đầu mối xăng dầu. Đáng chú ý, theo tính toán của Petrolimex, nếu dự trữ 30 ngày, tăng 10 ngày so với hiện nay cần bổ sung chi phí khoảng 100 đồng/lít (hao hụt 0,22% và chi phí vốn tương ứng khoảng 0,21%). Theo mức phân giao nguồn 2024, toàn thị trường sẽ mất thêm chi phí khoảng 900 tỷ đồng trong một năm. Vì vậy, Petrolimex đề nghị duy trì ngày dự trữ lưu thông đối với thương nhân đầu mối ở mức tối thiểu 20 ngày. □

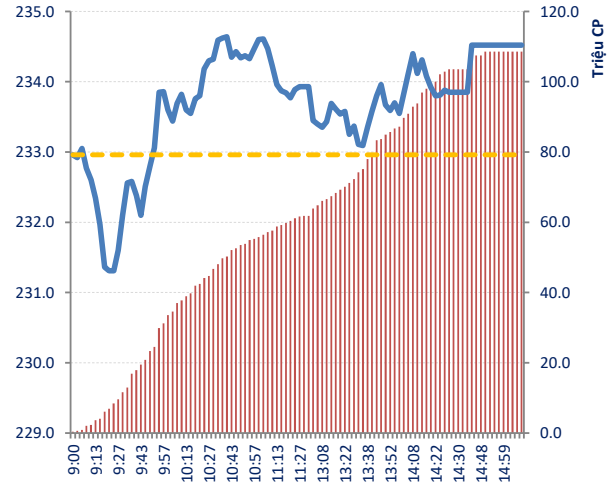


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

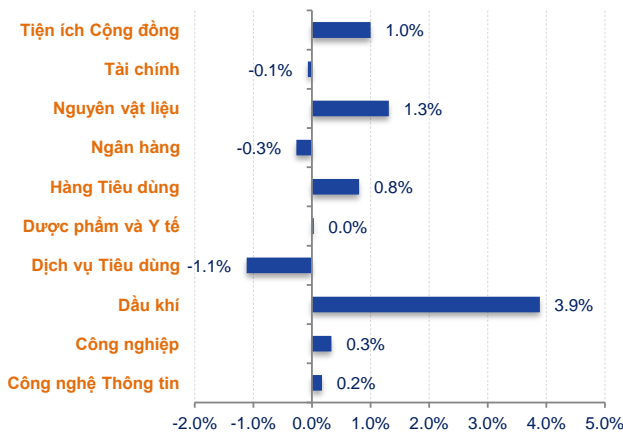
KLGD và VN-Index trong phiên



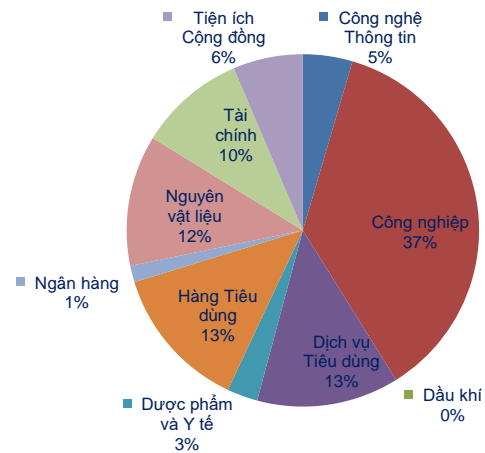
KLGD và HNX-Index trong phiên



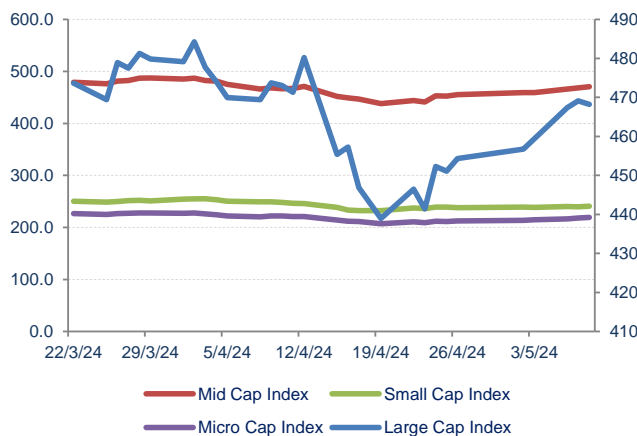
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



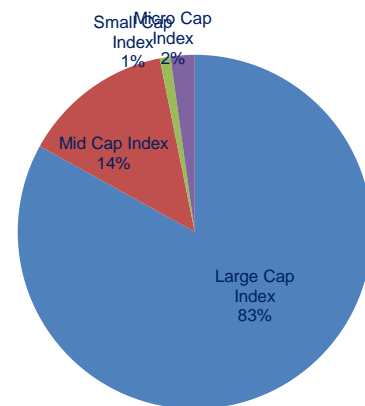
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TCH	3,048,400	VHM	22,533,269	1	IDC	1,208,000	CEO	394,172
2	HPG	2,728,920	TCB	4,530,043	2	MBS	552,700	TNG	222,800
3	HVN	1,162,528	PVD	2,276,200	3	VGS	106,800	MST	201,800
4	MWG	1,152,512	VRE	2,205,614	4	LAS	82,900	SHS	139,779
5	DIG	1,140,700	VPB	1,895,400	5	TVC	44,000	HUT	132,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.65	11.90	↑ 2.15%	74,596,500	SHS	18.80	19.00	↑ 1.06%	24,629,605
NVL	14.60	13.60	↓ -6.85%	71,921,190	PVS	40.80	43.00	↑ 5.39%	15,891,545
LPB	20.40	20.30	↓ -0.49%	39,545,300	CEO	18.50	18.50	→ 0.00%	8,590,725
HPG	30.15	30.70	↑ 1.82%	34,770,500	MBS	27.80	28.50	↑ 2.52%	5,745,110
DIG	27.85	28.60	↑ 2.69%	28,645,700	PVC	14.40	15.10	↑ 4.86%	4,965,758

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STK	29.40	31.45	2.05	↑ 6.97%	PVB	25.50	28.00	2.50	↑ 9.80%
MSH	46.00	49.20	3.20	↑ 6.96%	NHC	27.90	30.60	2.70	↑ 9.68%
ST8	9.09	9.72	0.63	↑ 6.93%	VE3	7.40	8.10	0.70	↑ 9.46%
CMG	48.45	51.80	3.35	↑ 6.91%	ONE	6.40	7.00	0.60	↑ 9.38%
DPG	44.90	48.00	3.10	↑ 6.90%	HVT	59.00	64.50	5.50	↑ 9.32%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAS	10.30	9.58	-0.72	↓ -6.99%	PTD	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%
NVL	14.60	13.60	-1.00	↓ -6.85%	NBW	29.30	26.60	-2.70	↓ -9.22%
TCR	3.67	3.43	-0.24	↓ -6.54%	KSQ	3.50	3.20	-0.30	↓ -8.57%
SVD	2.70	2.54	-0.16	↓ -5.93%	X20	10.90	10.00	-0.90	↓ -8.26%
TDP	33.10	31.80	-1.30	↓ -3.93%	SFN	23.20	21.30	-1.90	↓ -8.19%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	74,596,500	15.6%	2,152	5.4	0.8
NVL	71,921,190	1.4%	315	46.3	0.6
LPB	39,545,300	21.6%	2,914	7.0	1.4
HPG	34,770,500	9.2%	1,601	18.8	1.7
DIG	28,645,700	-0.3%	(38)	-	2.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,629,605	5.7%	688	27.3	1.4
PVS	15,891,545	7.1%	1,992	20.5	1.4
CEO	8,590,725	2.8%	365	50.7	1.5
MBS	5,745,110	13.0%	1,475	18.9	2.3
PVC	4,965,758	1.3%	190	75.9	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STK	↑ 7.0%	5.4%	918	32.0	1.7
MSH	↑ 7.0%	13.9%	3,475	13.2	1.8
ST8	↑ 6.9%	1.4%	144	63.0	0.9
CMG	↑ 6.9%	10.0%	1,717	28.2	2.8
DPG	↑ 6.9%	9.0%	3,318	13.5	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVB	↑ 9.8%	8.4%	1,437	17.7	1.4
NHC	↑ 9.7%	-2.2%	(397)	-	1.6
VE3	↑ 9.5%	2.0%	286	25.8	0.5
ONE	↑ 9.4%	5.1%	646	9.9	0.5
HVT	↑ 9.3%	10.9%	3,993	14.8	1.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TCH	3,048,400	7.0%	1,252	14.4	1.0
HPG	2,728,920	9.2%	1,601	18.8	1.7
HVN	1,162,528	0.0%	(642)	-	-
MWG	1,152,512	4.4%	717	82.7	3.3
DIG	1,140,700	-0.3%	(38)	-	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	1,208,000	31.7%	5,880	10.5	3.2
MBS	552,700	13.0%	1,475	18.9	2.3
VGS	106,800	6.0%	1,098	25.5	1.5
LAS	82,900	12.0%	1,487	13.8	1.6
TVC	44,000	17.1%	2,612	3.5	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	519,227	20.0%	5,838	15.9	3.0
BID	285,022	18.1%	3,841	13.0	2.2
VHM	178,747	12.1%	5,074	8.1	0.9
CTG	176,136	16.2%	3,751	8.7	1.3
HPG	175,316	9.2%	1,601	18.8	1.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	20,460	31.7%	5,880	10.5	3.2
PVS	19,501	7.1%	1,992	20.5	1.4
SHS	15,287	5.7%	688	27.3	1.4
HUT	15,262	0.7%	97	175.8	1.3
THD	13,706	2.5%	395	90.2	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	3.67	-56.3%	(3,468)	-	0.7
PSH	2.35	-9.6%	(1,295)	-	0.4
CCL	2.33	8.9%	1,014	7.6	0.7
DC4	2.21	16.4%	2,022	5.3	0.8
TCD	2.12	1.7%	230	30.4	0.5

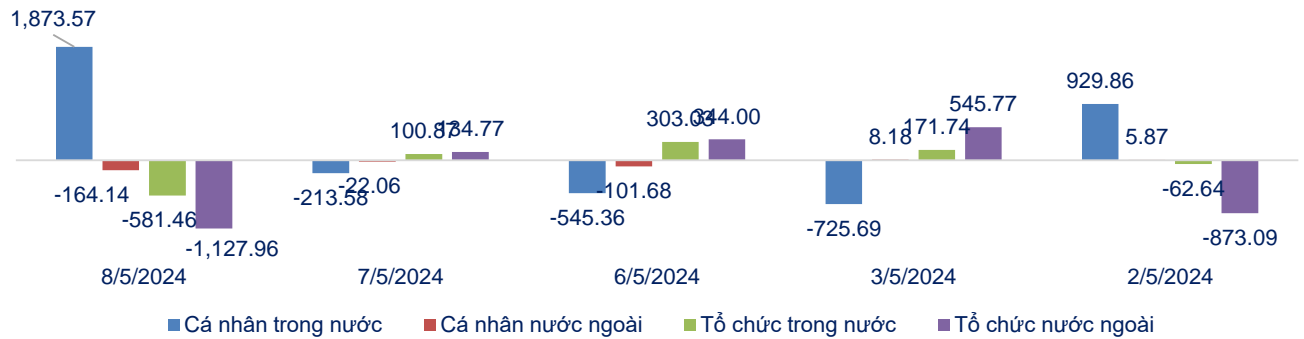
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	3.14	9.2%	1,214	16.6	1.6
CET	2.69	-0.4%	(42)	-	0.7
SDA	2.47	3.7%	296	18.6	0.8
DDG	2.44	-29.5%	(3,011)	-	0.4
VC2	2.34	2.0%	293	31.1	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	993.49	12.1%	5,074	8.1	0.9
TCB	228.60	15.2%	5,606	8.5	1.2
EIB	138.18	9.0%	1,147	15.5	1.3
HAH	101.78	10.3%	2,978	14.2	1.4
STB	99.64	17.7%	4,206	6.7	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-105.27	9.2%	1,601	18.8	1.7
SGT	-76.82	2.2%	288	43.9	1.0
HDB	-52.94	24.7%	3,832	6.3	1.4
MWG	-51.41	4.4%	717	82.7	3.3
MSN	-49.67	0.8%	215	330.9	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DBC	5.83	8.9%	1,729	17.1	1.5
STB	5.01	17.7%	4,206	6.7	1.1
TCB	4.14	15.2%	5,606	8.5	1.2
HDC	2.88	5.3%	740	38.9	2.0
FUEVFNND	2.78	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-139.38	14.9%	2,310	6.1	0.9
SHB	-14.30	15.6%	2,152	5.4	0.8
HPG	-10.13	9.2%	1,601	18.8	1.7
VFG	-8.06	26.4%	7,629	9.0	2.2
MWG	-4.25	4.4%	717	82.7	3.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	76.82	2.2%	288	43.9	1.0
HDB	68.47	24.7%	3,832	6.3	1.4
GAS	34.16	16.4%	4,688	16.3	2.6
E1VFN30	31.16	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	30.42	12.0%	1,966	11.9	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-133.12	9.0%	1,147	15.5	1.3
HAH	-98.45	10.3%	2,978	14.2	1.4
FPT	-73.94	22.8%	5,338	24.6	5.3
STB	-69.14	17.7%	4,206	6.7	1.1
VHM	-66.74	12.1%	5,074	8.1	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	134.37	14.9%	2,310	6.1	0.9
HPG	92.21	9.2%	1,601	18.8	1.7
MWG	72.36	4.4%	717	82.7	3.3
TCH	55.32	7.0%	1,252	14.4	1.0
MSN	45.50	0.8%	215	330.9	2.3

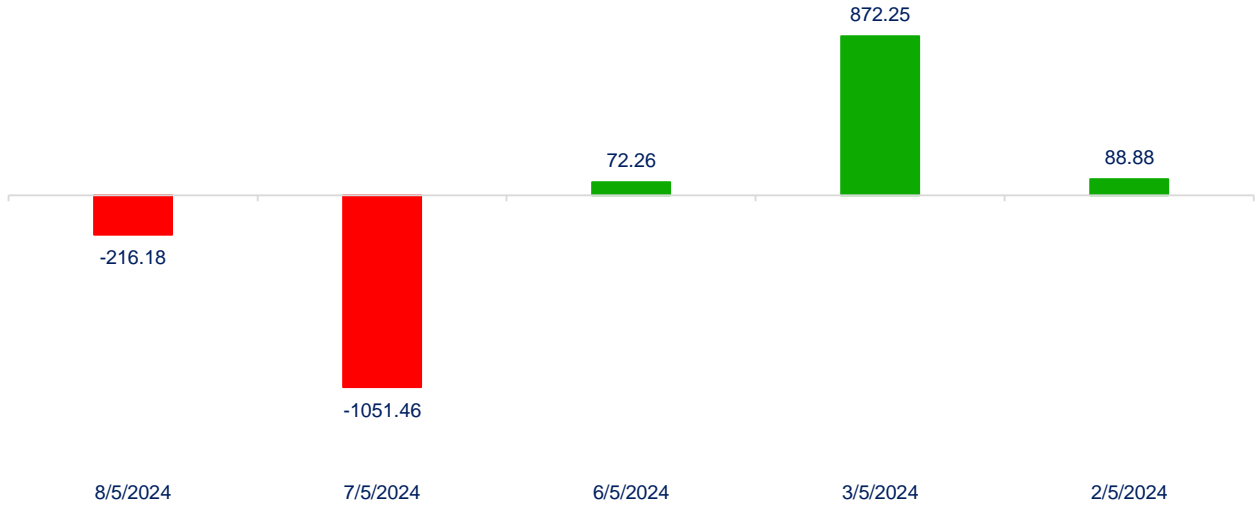
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-927.13	12.1%	5,074	8.1	0.9
TCB	-223.47	15.2%	5,606	8.5	1.2
PVD	-71.76	4.5%	1,198	25.5	1.1
VRE	-50.68	12.0%	1,966	11.9	1.4
CTG	-47.00	16.2%	3,751	8.7	1.3

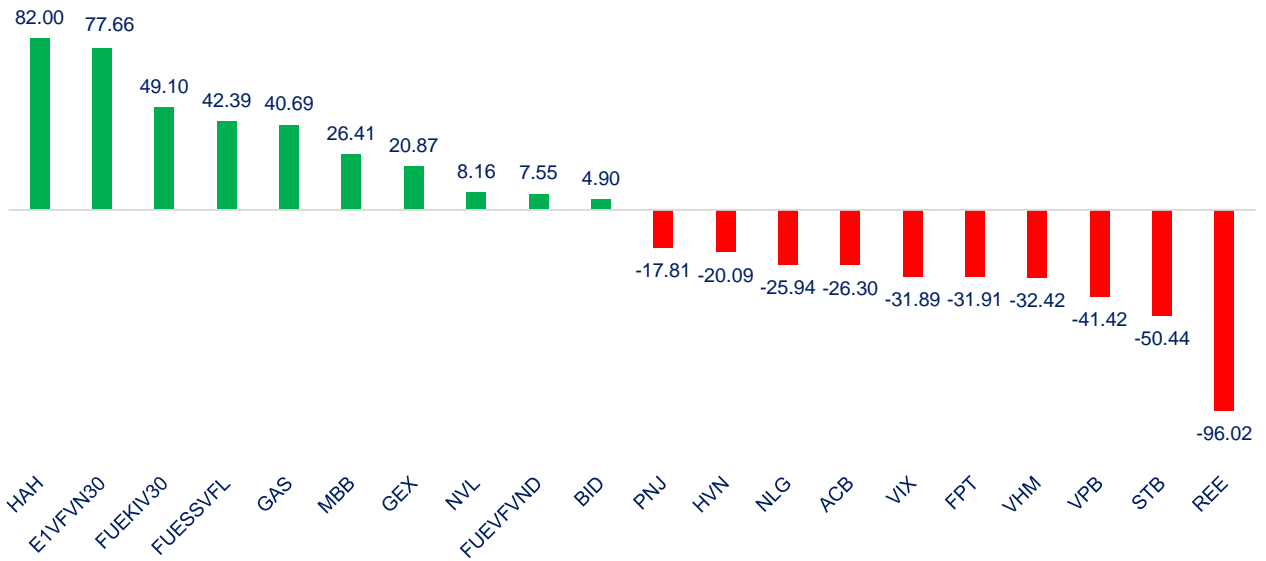


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn